

MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI CẬP NHẬT DỮ LIỆU ĐỊA DANH CHUẨN HÓA PHẦN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN ĐỊA LÝ QUỐC GIA TỶ LỆ 1/50.000

TRẦN MINH HẰNG

Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam

Tóm tắt:

Bài báo này đề cập đến sự cần thiết cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu nền địa lý đối với Việt Nam thông qua việc phân tích thực tiễn trên thế giới và hiện trạng của Việt Nam. Một số yêu cầu chung khi thực hiện cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa phần đất liền Việt Nam vào cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được đưa ra trên cơ sở xác định các thông tin trong cơ sở dữ liệu địa danh cần được tham chiếu và sử dụng trong quá trình cập nhật, cũng như khảo sát tương quan về địa danh giữa dữ liệu địa danh chuẩn hóa và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000.

1. Đặt vấn đề

Tại Diễn đàn cấp cao lần thứ 3 của UNGGIM được tổ chức tại Bắc Kinh - Trung Quốc vào tháng 10 năm 2014, trong bài phát biểu của mình, bà Naima Friha - Phó Chủ tịch của UNGEGN đã nêu rõ vai trò của địa danh đối với bản đồ địa hình và dữ liệu địa lý “Với chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu không gian địa lý, luôn phải nghĩ tới địa danh đã được chuẩn hóa bởi nó là chìa khóa để tìm kiếm và là công cụ để kết nối và tích hợp các nhóm dữ liệu không gian”[11]. Đến nay, việc cập nhật địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu địa lý đã được nhiều nước trên thế giới thực hiện.

Dữ liệu địa danh chuẩn hóa phần đất liền của Việt Nam là kết quả của quá trình chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 và 1/50.000. Hiện tại, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia các tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000 khu đô thị, khu kinh tế phát triển, tỷ lệ 1/10.000 khu vực nông thôn toàn quốc, và tỷ lệ 1/50.000 phủ trùm phần đất liền toàn quốc đều chưa được cập nhật địa danh chuẩn hóa. Để đảm bảo tính chuẩn xác về thông tin địa danh, cơ sở dữ liệu nền địa lý cần thiết phải được cập nhật địa danh chuẩn hóa.

2. Sự cần thiết cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu nền địa lý

2.1. Thực tiễn trên thế giới

Đến nay, cơ sở dữ liệu địa danh của Đức ghi nhận tên của tất cả các đối tượng thể hiện trong mô hình cảnh quan dạng số ở tỷ lệ 1/250.000 (DLM250). Hiện dữ liệu địa danh từ nguồn cơ sở dữ liệu địa danh của Đức (GN-DE) được sử dụng trong hạ tầng dữ liệu không gian của Đức (GDI-DE). Năm 2015, trên hạ tầng dữ liệu không gian châu Âu (INSPIRE), lần đầu tiên cơ sở dữ liệu địa danh của Đức đã được sử dụng để thực hiện tích hợp các nhóm dữ liệu không gian và cung cấp dịch vụ dữ liệu địa lý[12].

Địa danh được cập nhật thường xuyên vào cơ sở dữ liệu nền địa hình tỷ lệ 1/10.000 phủ trùm toàn quốc của Phần Lan để đảm bảo việc sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa hình là dữ liệu đầu vào cho nhiều loại sản phẩm bản đồ[10].

Với Đan Mạch, hiện nay, tương tác trực tiếp với bản đồ có thể được thực hiện thông qua trang web của Cơ quan Dữ liệu không gian của Đan Mạch, trong đó người sử dụng có thể tra cứu trực tiếp địa danh có trong cơ sở dữ liệu địa danh của Đan Mạch. Đây cũng là một minh chứng cho việc cơ sở dữ liệu địa danh được cập nhật cho dữ liệu địa lý[13].

2.2. Hiện trạng của Việt Nam

Yêu cầu về cập nhật địa danh chuẩn hóa vào

Ngày nhận bài: 01/8/2019, ngày chuyển phân biên: 09/8/2019, ngày chấp nhận phân biên: 15/8/2019, ngày chấp nhận đăng: 19/8/2019

dữ liệu nền địa lý đã được quy định rõ trong Luật Đo đạc và bản đồ tại Điều 21 về Trách nhiệm chuẩn hóa địa danh, sử dụng địa danh đã được chuẩn hóa, Khoản 3 như sau: “Đối với địa danh đã được chuẩn hóa, tổ chức, cá nhân phải sử dụng và thể hiện chính xác, thống nhất trong hoạt động đo đạc và bản đồ, đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn lịch sử”.

Tính đến thời điểm hiện tại, đã hoàn thành công tác chuẩn hóa địa danh của 63 tỉnh thành trên cả nước và có 57/63 Thông tư về danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền của các tỉnh đã được ban hành. Đó là kết quả của quá trình chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 được thành lập từ năm 2001-2006 hoặc được hiện chỉnh từ năm 2006-2012; với những khu vực không có bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000, chủ yếu là khu vực miền núi, thực hiện chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 được thành lập từ năm 2001-2005 và năm 2009. Kết quả chuẩn hóa địa danh cũng được tổng hợp lại để xây dựng cơ sở dữ liệu địa danh. Do đó nội dung trong các Thông tư ban hành danh mục địa danh tương đồng với nội dung tương ứng trong cơ sở dữ liệu địa danh.

Hiện nay, Việt Nam có cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000 và 1/10.000 được thành lập trong giai đoạn 2008 -2012, và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 được tổng quát hóa trong giai đoạn 2011 - 2015 từ sản phẩm của 2 Dự án Chính phủ. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia các tỷ lệ đều chưa được cập nhật địa danh chuẩn hóa.

3. Các nội dung liên quan đến cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa phần đất liền Việt Nam vào cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia

3.1. Về cơ sở dữ liệu địa danh phần đất liền Việt Nam

Cấu trúc của cơ sở dữ liệu địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội bao gồm các trường thông tin địa danh, kiểu đối tượng, nhóm đối tượng, mã đơn vị hành chính cấp xã, tên đơn vị hành chính cấp xã, mã đơn vị hành chính cấp

huyện, tên đơn vị hành chính cấp huyện, ngôn ngữ gốc, vĩ độ trung tâm, kinh độ trung tâm, vĩ độ điểm đầu, kinh độ điểm đầu. vĩ độ điểm cuối, kinh độ điểm cuối, số hiệu mảnh bản đồ địa hình, mã địa danh, ghi chú.

Theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ (QCVN 37:2011/BTNMT) được ban hành kèm theo Thông tư số 23/2011/TT-BTNMT, mỗi địa danh trong cơ sở dữ liệu địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn và kinh tế xã hội Việt Nam được gán mã duy nhất theo thứ tự mã quốc gia (gồm hai ký tự theo quy định tại tiêu chuẩn ISO 3166-1), mã đơn vị hành chính (gồm 10 chữ số Ả Rập theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08 tháng 7 năm 2004 về việc ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam), mã nhóm đối tượng, mã kiểu đối tượng, số thứ tự của địa danh. Trên thực tế, khi tạo lập cơ sở dữ liệu địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn và kinh tế - xã hội Việt Nam của tỉnh, mã đơn vị hành chính được cập nhật theo thông tin của Tổng cục Thống kê do từ năm 2004 có rất nhiều biến động về chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp.

Khi cập nhật địa danh cho cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, các thông tin trong cơ sở dữ liệu địa danh được sử dụng trực tiếp để cập nhật cho địa danh trong cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia về tên và vị trí gồm thông tin của trường địa danh và các trường ghi nhận tọa độ của đối tượng; các thông tin được sử dụng gián tiếp, giúp tách lọc dữ liệu địa danh theo nhóm đối tượng hoặc giúp tham chiếu tên đơn vị hành chính có đối tượng mang địa danh gồm mã địa danh, nhóm đối tượng, tên đơn vị hành chính cấp huyện, tên đơn vị hành chính cấp xã.

3.2. Đề xuất cập nhật địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000

Lý do lựa chọn cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 để thực hiện cập nhật địa danh đã được chuẩn hóa vào, mặc dù phần lớn bản đồ địa hình được sử dụng để thống kê địa danh phục

vụ công tác chuẩn hóa địa danh có tỷ lệ 1/25.000, là do tiêu chí thu nhận thông tin đối với dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 nhiều hơn so với bản đồ cùng tỷ lệ; đối với khu vực miền núi, mật độ đối tượng địa lý không dày đặc, chỉ có bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 thì việc cập nhật địa danh được thống kê từ nguồn này để chuẩn hóa địa danh vào cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 là phù hợp. Việc cập nhật địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu nền địa lý cần được thực hiện theo từng tỉnh.

4. Khảo sát tương quan về địa danh giữa dữ liệu địa danh chuẩn hóa và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000

Tương quan về cơ sở toán học

Để đánh giá tương quan giữa hai nguồn dữ liệu không gian, trước hết cần quan tâm đến cơ sở toán học của dữ liệu. Cụ thể nội dung này như sau:

- Các Thông tư ban hành danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liền của các tỉnh là kết quả của quá trình chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000, những khu vực không có bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000, chủ yếu là khu vực miền núi, thì chuẩn hóa địa danh trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000.

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 là đối tượng khảo sát, đánh giá.

Bản đồ địa hình các tỷ lệ 1/25.000, 1/50.000 và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 đều được thành lập ở hệ quy chiếu hệ tọa độ Việt Nam VN_2000, múi chiếu 6^o. Vậy hai nguồn dữ liệu tương đồng về cơ sở toán học, do đó có thể chồng xếp trực tiếp để thực hiện cập nhật địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu nền địa lý.

Tương quan về đơn vị hành chính

Việc tham chiếu để cập nhật dữ liệu về đơn vị hành chính cho dữ liệu nền địa lý trong trường hợp có khác biệt với dữ liệu địa danh được chuẩn hóa phải dựa trên các văn bản có tính pháp lý.

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể tương quan về đơn vị hành chính giữa hai nguồn dữ liệu:

- Ví dụ 1:

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường ra Thông tư số 11/2019/TT-BTNMT về việc ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương. Theo đó, ban hành danh mục gồm 12 đơn vị hành chính cấp huyện.

Danh mục địa danh hành chính cấp huyện của tỉnh Hải Dương theo cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 tỉnh Hải Dương cũng gồm 12 đơn vị hành chính cấp huyện, tuy nhiên có khác tên đơn vị hành chính thị xã Chí Linh thay vì thành phố Chí Linh theo Thông tư về địa danh của tỉnh Hải Dương.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ra Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH14 về việc Nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã, thành lập 06 phường thuộc thị xã Chí Linh và thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương. Theo đó, thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương được thành lập trên cơ sở toàn bộ 282,91 km² diện tích tự nhiên và 220.421 người của thị xã Chí Linh. Vậy thành phố Chí Linh không có thay đổi về phạm vi không gian so với thị xã Chí Linh, khi cập nhật dữ liệu địa danh về đơn vị hành chính, chỉ cần thay đổi tên theo Nghị quyết.

- Ví dụ 2:

Ngày 23 tháng 9 năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 47/NQ-CP về việc Điều chỉnh địa giới hành chính phường và thành lập các phường Nhị Châu và Tân Bình thuộc TP. Hải Dương. Theo đó điều chỉnh 15,65 ha diện tích tự nhiên và 884 nhân khẩu của phường Thanh Bình về phường Lê Thanh Nghị để quản lý; thành lập phường Tân Bình trên cơ sở điều chỉnh 261,19 ha diện tích tự nhiên và 12.393 nhân khẩu của phường Thanh Bình; thành lập phường Nhị Châu trên cơ sở điều chỉnh 318,25 ha diện tích tự nhiên và 6.824 nhân khẩu của phường Ngọc

Châu.

Với nội dung này, không có đủ cơ sở để thực hiện cập nhật dữ liệu địa danh về đơn vị hành chính.

- Ví dụ 3:

Ngày 26 tháng 12 năm 2013, Bộ Tài nguyên và Môi trường ra Thông tư số 45/2013/TT-BTNMT về việc ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La. Theo đó, ban hành danh mục gồm 12 đơn vị hành chính cấp huyện. Danh mục địa danh hành chính cấp huyện của tỉnh Sơn La theo cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 tỉnh Sơn La chỉ gồm 11 đơn vị hành chính cấp huyện, thiếu huyện Vân Hồ so với CSDL địa danh.

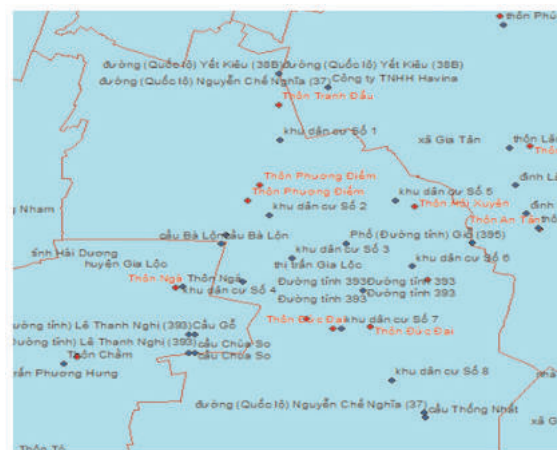
Huyện Vân Hồ được thành lập theo Nghị quyết số 72/NQ-CP ngày 10/06/2013 của Chính phủ, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Mộc Châu, thành lập huyện Vân Hồ thuộc tỉnh Sơn La. Theo đó 14 xã của huyện Mộc Châu được tách ra để thành lập huyện Vân Hồ, huyện Mộc Châu còn lại 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc. Vậy, khi cập nhật cơ sở dữ liệu địa danh vào cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 tỉnh Sơn La, thực hiện chia tách phạm vi huyện Mộc Châu thành huyện Mộc Châu và huyện Vân Hồ. Tạo vùng đơn vị hành chính cấp huyện từ các vùng đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc.

Tương quan về địa danh dân cư

Có 2 khả năng tương quan giữa 2 nguồn dữ liệu. Một là, tên địa danh dân cư là tương đồng giữa 2 nguồn dữ liệu, tuy nhiên tên địa danh trong cơ sở dữ liệu nền địa lý viết chưa chuẩn về quy định viết hoa, viết thường (Hình 1). Hai là, có sự khác biệt về tên địa danh dân cư tương ứng giữa 2 nguồn dữ liệu; trường hợp này thường thấy khi địa danh dân cư được thay đổi hệ thống từ địa danh cũ sang tên khu dân cư, cụm dân cư, tổ dân phố có số thứ tự tại các đơn vị hành chính như thị trấn, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Hình 2).



Hình 1: Tương quan địa danh dân cư giữa hai nguồn dữ liệu, trường hợp 1



Hình 2: Tương quan địa danh dân cư giữa hai nguồn dữ liệu, trường hợp 2

Một số đánh giá về tương quan về địa danh giữa cơ sở dữ liệu địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế xã hội phần đất liền và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000

Qua khảo sát tương quan về dữ liệu địa danh trong hai nguồn cơ sở dữ liệu có thể nhận thấy:

- Số lượng địa danh dân cư và địa danh sơn văn không chênh lệch nhiều;
- Chênh lệch nhiều về số lượng địa danh kinh tế - xã hội, giao thông, thủy văn. Lý do là vì các đối tượng có tên được thu nhận gần như toàn bộ từ cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000 và 1/10.000 trong khi các đối tượng địa danh được chuẩn hóa và thu nhận chỉ giới hạn ở các đối tượng đình, chùa miếu, ga, đò, phà, cầu, các

sông lớn, hồ lớn và một số rất ít công ty, khu công nghiệp.

- Cả trong cơ sở dữ liệu địa danh và trong cơ sở dữ liệu nền địa lý, đối tượng dãy núi chỉ được xác định thông qua một đối tượng điểm. Trong khi theo định nghĩa, dãy núi là một chuỗi các ngọn núi với độ dài đáng kể và hình dáng tổng thể chạy theo một trục nhất định, với các sông và sườn biểu lộ rõ ràng, quay về các hướng đối diện nhau.

5. Một số yêu cầu chung khi cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa phần đất liền Việt Nam vào cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000

Qua khảo sát thực tế trên dữ liệu, một số yêu cầu chung khi thực hiện cập nhật địa danh chuẩn hóa từ cơ sở dữ liệu địa danh cho cơ sở dữ liệu nền địa lý được đưa ra bao gồm:

- Chỉ tiến hành cập nhật địa danh cho dữ liệu nền địa lý khi dữ liệu địa danh được chuẩn hóa cùng khoảng thời điểm hoặc sau khoảng thời điểm thành lập/cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý; trường hợp dữ liệu địa danh được chuẩn hóa trước khoảng thời điểm thành lập/cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý chỉ nên sử dụng khi chắc chắn địa danh (trừ địa danh hành chính) của khu vực tác nghiệp không có biến động;

- Đối chiếu địa danh hành chính các cấp giữa hai nguồn dữ liệu;

- Chuẩn hóa về phạm vi không gian, tên của đơn vị hành chính các cấp nếu có biến động từ dữ liệu địa giới hành chính mới nhất hoặc theo nội dung trong Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp trong trường hợp chưa có dữ liệu địa giới hành chính mới nhất;

- Chuẩn hóa địa danh dân cư cho từng đơn vị hành chính cấp xã để tránh trùng lặp địa danh của xã này được cập nhật nhầm sang xã khác;

- Các nhóm địa danh còn lại cập nhật từng loại theo phạm vi dữ liệu cần cập nhật;

- Trước khi chuẩn hóa địa danh sơn văn, cần

khảo sát sự phù hợp về vị trí địa danh sơn văn của dữ liệu địa danh so với đường bình độ của cơ sở dữ liệu nền địa lý;

- Đối với các đối tượng thủy văn dạng tuyến, do vị trí địa danh của dữ liệu địa danh chỉ ghi nhận tọa độ điểm đầu, điểm cuối của đối tượng nên cần rà soát đối tượng trong cơ sở dữ liệu nền địa lý để đảm bảo không nhầm sang nhánh thủy hệ khác; tương tự, với những tuyến đường giao thông có phạm vi phân bố qua nhiều nút giao cắt;

- Địa danh giao thông trong cơ sở dữ liệu địa danh thuộc về nhóm địa danh kinh tế - xã hội. Để thuận tiện trong quá trình cập nhật địa danh, cần có bước tách riêng địa danh giao thông;

- Quan hệ cầu - đường giao thông luôn phải được bảo toàn trong cơ sở dữ liệu nền địa lý. Vì vậy, thứ tự chuẩn hóa địa danh giao thông cho cơ sở dữ liệu nền địa lý cần thực hiện trước cho đường giao thông thông qua lớp đoạn tìm đường bộ.

- Nhóm kinh tế - xã hội có nhiều loại đối tượng; các loại đối tượng trong cơ sở dữ liệu nền địa lý đã được phân biệt riêng theo mã đối tượng; trong cơ sở dữ liệu địa danh, mã địa danh cũng chứa thông tin về mã đối tượng. Để không có sự nhầm lẫn trong quá trình cập nhật địa danh chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu nền địa lý, cần tách các đối tượng kinh tế - xã hội trong cơ sở dữ liệu địa danh thành các nhóm nhỏ hơn theo mã đối tượng.

6. Kết luận và kiến nghị

Các thông tin có được từ việc khảo sát và phân tích tương quan về địa danh giữa dữ liệu địa danh chuẩn hóa và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 là cơ sở để xác định các yêu cầu về cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa cho cơ sở dữ liệu nền địa lý và xây dựng quy trình cập nhật dữ liệu địa danh chuẩn hóa cho cơ sở dữ liệu nền địa lý nói chung và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 nói riêng. Bên cạnh đó, cần có nghiên cứu, xây dựng quy định cụ thể tiêu chí thu nhận đối tượng đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000, cũng như cần có quy định cụ

thể để đảm bảo tính tương quan giữa cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu địa danh, và cơ sở dữ liệu địa giới hành chính. ○

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ (QCVN 37:2011/BTNMT) ban hành kèm theo Thông tư số 23/2011/TT-BTNMT.

[2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), Thông tư số 45/2013/TT-BTNMT về việc ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La.

[3]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019), Thông tư số 11/2019/TT-BTNMT về việc ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương.

[4]. Chính phủ (2009), Nghị quyết số 47/NQ-CP về việc Điều chỉnh địa giới hành chính phường và thành lập các phường Nhị Châu và Tân Bình thuộc TP. Hải Dương.

[5]. Chính phủ (2013), Nghị quyết số 72/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện

Mộc Châu, thành lập huyện Vân Hồ thuộc tỉnh Sơn La.

[6]. Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (2012, 2015), Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 tỉnh Sơn La và khu đô thị.

[7]. Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (2015), Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1/50.000 tỉnh Hải Dương.

[8]. Quốc hội (2018), Luật số 27/2018/QH14 Luật Đo đạc và Bản đồ.

[9]. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2019), Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH14 về việc nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã, thành lập 06 phường thuộc thị xã Chí Linh và thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương.

[10]. National Land Survey of Finland (2018), <https://www.maanmittauslaitos.fi/en>

[11]. UNGEGN (2014), Statement of UNGEGN on 3rd High Level Forum of UNGGIM, Beijing, China, 22-24 October 2014.

[12]. UNGEGN (2018), “Toponymy Training Manual”.

[13]. University of Copenhagen (2018), <https://nordendivision.nfi.ku.dk/gazetteers> ○

Summary

General requirements inupdate Vietnam inland standardized geographical names for national fundamental geographical database 1/50,000 scale

Tran Minh Hang

Department of Survey, Mapping and Geographic information Vietnam

This article states the necessary of updated standardized geographical names to national fundamental geographical database in Vietnam through analyses examples from other countries and current status of Vietnam. General requirements are pointed out according to determining used informative columns of standardized geographical names databases, as well as geographical names correlation exploration between standardized geographical names and national fundamental geographical database 1/50.000 scale. ○